

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2021.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Điểu Hoàng**.
2. Bà **Nguyễn Thị Quy**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Ngọc Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 501/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trang Thị Cẩm H** – sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp DX, xã TT, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Lê Trọng Ph** – sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp ĐĐ 1, xã TT, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

(chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ph vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trang Thị Cẩm H trình bày:

Chị và anh **Lê Trọng Ph** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã TT cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2014. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **Ph** không tin tưởng và không chia sẻ mọi việc trong cuộc sống với chị. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, căng thẳng nhau. Thậm chí anh **Ph** còn nhiều lần đánh đập chị. Từ

tháng 10/2020, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trọng Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có 01 con chung là Lê Trọng N – sinh ngày: 22/6/2015.

Từ khi chị và anh Ph ly thân nhau đến nay, con chung sống cùng chị.

Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H tự nguyện rút yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Lê Trọng Ph: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh Ph đến Tòa án làm việc nhưng anh Ph không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trang Thị Cẩm H đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị H và anh Ph (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị H và anh Ph (bản sao); Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Bản tự khai ngày 21/12/2020 của chị H (bản chính); Đơn xin xác nhận ngày 29/01/2021 của chị H (bản chính); Bảng danh sách cấp phụ cấp lực lượng công an (photo); Bảng phụ cấp thâm niên lực lượng công an xã tháng 12/2020 (photo); Bảng lương và phụ cấp của chị H (photo); Biên bản vi phạm hành chính ngày 09/01/2021 (photo); Báo cáo số 02/BC-CAX ngày 14/01/2021 của Công an xã TT (photo); Quyết định số 01-QĐ/CB ngày 25/01/2021 của Chi bộ Công an xã TT (photo); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 14/01/2021 của Công an xã TT (bản chính); Đơn xin vắng mặt ngày 24/02/2021 của chị H (bản chính); Bản tự khai ngày 30/3/2021 của chị H (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 01/02/2021.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị H và anh Ph đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

đơn khởi kiện của chị H, cho chị Trang Thị Cẩm H được ly hôn với anh Lê Trọng Ph.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Lê Trọng N – sinh ngày: 22/6/2015 cho chị Trang Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh Ph nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Trang Thị Cẩm H phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Trang Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Lê Trọng Ph. Anh Ph đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chị Trang Thị Cẩm H và anh Lê Trọng Ph là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ph vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Ph tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT vào ngày 26/3/2014. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh Ph thì Tòa án áp dụng các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H yêu cầu ly hôn vì anh Ph không quan tâm chia sẻ và không tin tưởng chị. Bản thân anh Ph nhiều lần đánh đập chị.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh Ph đến Tòa án để hòa giải nhưng anh Ph không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh Ph không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 43 – 45).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị H có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là cho chị được ly hôn với anh Ph là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị H và anh Ph có 01 con chung là Lê Trọng N – sinh ngày: 22/6/2015.

Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bản thân chị H có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị H và anh Ph sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị H. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao cháu Lê Trọng N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh Ph nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Trang Thị Cẩm H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn.

[6]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trang Thị Cẩm H.
Cho chị Trang Thị Cẩm H được ly hôn anh Lê Trọng Ph.

2. Về con chung: Chị H và anh Ph có 01 con chung là Lê Trọng N – sinh ngày: 22/6/2015.

Chị Trang Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm thời anh Lê Trọng Ph không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ph có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Trang Thị Cẩm H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005529 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị H và anh Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã TT: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 39, cấp ngày 26/3/2014);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi